

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **109** /2024/DS-ST
Ngày: 23 – 12 - 2024
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Lương Công Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 203/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-DS ngày 14/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/QĐST-DS ngày 03/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 2 H, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trương Thị Thu T – chuyên viên quản lý nợ. Bà T có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hoàng Mai A, sinh năm 1983. Địa chỉ: 4 L, Phường E, Thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi là Ngân hàng) do bà Trương Thị Thu T đại diện trình bày: Ngày 09/10/2023, bà Trần Thị Hoàng Mai A có ký với Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2943422 ngày 09/10/2023- số tài khoản thẻ 3940190139. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Trần Thị Hoàng Mai A tiến hành giao dịch số tiền 30.100.000 đồng, thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.750.000 đồng. Sau

đó, từ ngày 05/01/2024, bà A không trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 05/4/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển nợ với nợ gốc quá hạn là 34.853.911 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, gửi thông báo khởi kiện nhưng bà A không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hoàng Mai A phải trả nợ gốc 34.853.911 đồng và tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh sau ngày 05/4/2024 theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ vay.

*Bị đơn bà Trần Thị Hoàng Mai A vắng mặt nên không có trình bày:

*Biên bản xác minh ngày 13/11/2024 tại Công an P, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định bà Trần Thị Hoàng Mai A có đăng ký thường trú tại địa chỉ 4 L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện nay, bà A có mặt và sinh sống tại địa chỉ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ tại địa chỉ thường trú của bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn bà Trần Thị Hoàng Mai A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A phải trả số tiền 47.434.894 đồng trong đó nợ gốc là 34.853.911 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.580.983 đồng tạm tính đến ngày 23/12/2024. Bà A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/12/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 100, 103 Luật Tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A phải trả số nợ gốc là 34.853.911 đồng và phải chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi trả nợ xong. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A được xác định là tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng. Bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A có địa chỉ thường trú tại 4 L, Phường E, thành phố T, Phú Yên nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy

định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A theo nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 09/10/2023, bị đơn Anh có địa chỉ thường trú tại 4 L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Kết quả xác minh tại Công an P, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định bà A có đăng ký thường trú và hiện tại đang có mặt và sinh sống tại địa chỉ 4 L, Phường E, thành phố T. Bị đơn Anh vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn cung cấp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 09/10/2023 ký kết giữa Ngân hàng và bà A thể hiện nội dung bà A lựa chọn thẻ tín dụng visa Classic, hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời gian bắt đầu từ 09/10/2023. Bà A đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành và tiến hành các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng và thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.750.000 đồng (Tính đến ngày 05/01/2024) thứ tự thanh toán áp dụng Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/4/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn. Bà A còn nợ Ngân hàng là 34.853.911 đồng nên ngân hàng yêu cầu bà A phải thanh toán là phù hợp với quy định Điều 20, 21, 22 và Điều 23, Khoản 4 Điều 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A phải trả số nợ gốc 34.853.911 đồng (Ba mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm mười một đồng) cho nguyên đơn.

[5] Nguyên đơn yêu cầu bà A phải thanh toán lãi quá hạn tính từ sau ngày 05/04/2024 cho đến khi trả nợ xong. Xét bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Giấy đề nghị kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên nên ngoài việc có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì còn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 1, Điều 2, Điều 23, điểm b, khoản 4 Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

[6] Như vậy, lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng (2,77%/tháng x 150%) theo Quyết định số 3248/2022/QĐ-TT ngày 23/12/2022 của Ngân hàng TMCP S và việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T1 phát hành tại Việt Nam. Số tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc 34.853.911 đồng bà A phải trả từ ngày 06/04/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2024 là 12.580.983 đồng. Do đó, tổng số

tiền gốc và lãi mà bà A phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2024 là 47.434.894 đồng.

[7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Hoàng Mai A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

[8] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 7, 8, 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Buộc bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A phải trả cho nguyên đơn số tiền 47.434.894 đồng (*Bốn mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi tư đồng*) trong đó nợ gốc là 34.853.911 đồng (*Ba mươi bốn triệu tám trăm năm mươi ba nghìn chín trăm mười một đồng*), nợ lãi là 12.580.983 đồng (*Mười hai triệu năm trăm tám mươi nghìn chín trăm tám mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Hoàng Mai A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

Về án phí: Bị đơn Trần Thị Hoàng Mai A phải chịu 2.371.744 đồng (*Hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 1.055.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002836 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

